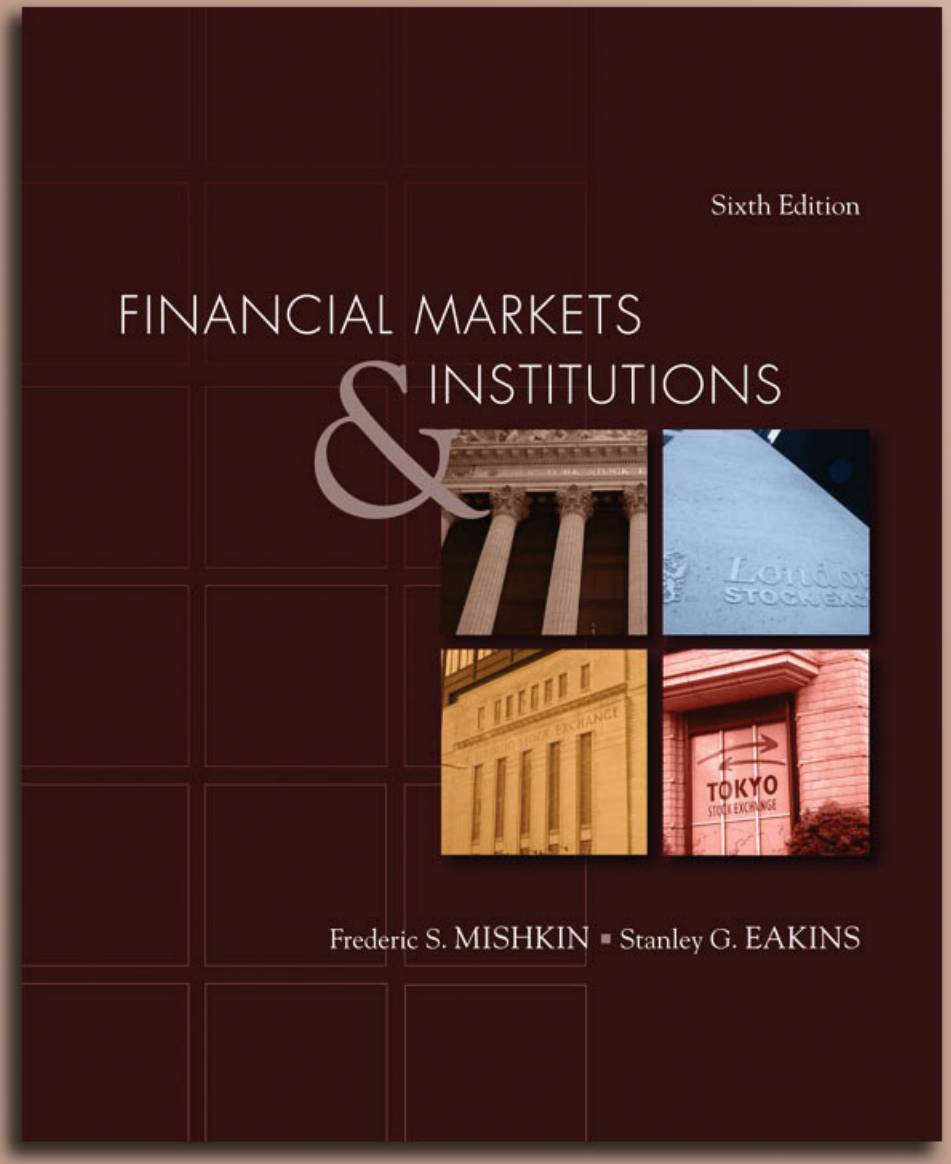

CHƯƠNG 2

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Copyright © 2009 Pearson Prentice Hall. All rights reserved.

PEARSON Prentice Hall

NỘI DUNG CHƯƠNG

2.1. Khái niệm thị trường tiền tệ

2.2. Mục đích của thị trường tiền tệ

2.3. Thành phần tham gia trên thị trường tiền tệ

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

2.1. Khái niệm thị trường tiền tệ

- Là thị trường thực hiện giao dịch các công cụ nợ ngắn hạn, có thời hạn dưới 1 năm.
- Là thị trường OTC (Over-the-counter market) tại các quầy kinh doanh của NHTM & các công ty kinh doanh đầu tư thông qua mạng lưới điện thoại, vi tính rộng lớn.
- Công cụ của thị trường tiền tệ có tính thanh khoản cao, cung cấp lợi tức tiết kiệm cho nhà đầu tư.

2.2. Mục đích của thị trường tiền tệ

- Là thị trường giao dịch và chuyển giao quỹ tiền tệ ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn và duy trì khả năng thanh khoản giữa đơn vị thặng dư vốn và đơn vị thiếu hụt vốn – bao gồm giữa các cá nhân, doanh nghiệp, và Chính phủ.
- Quyết định lãi suất ngắn hạn trên thị trường.

2.3. Thành phần tham gia trên thị trường tiền tệ

- Trên thị trường tiền tệ, các tổ chức tài chính trung gian là thành phần tham gia chủ yếu.
  - Đầu tư (Mua) các công cụ trên thị trường tiền tệ để kiếm lợi nhuận đồng thời duy trì tình trạng thanh khoản hợp lý.
  - Phát hành (Bán) các công cụ thị trường tiền tệ nhằm huy động vốn ngắn hạn khi các tổ chức tài chính này thiếu hụt vốn.

2.3. Thành phần tham gia trên thị trường tiền tệ

- Các loại hình tổ chức tài chính chủ yếu:
  - NHTM và các tổ chức tiết kiệm
  - Công ty tài chính
  - Quỹ đầu tư trên thị trường tiền tệ
  - Công ty bảo hiểm
  - Quỹ lương hưu

QUESTION?

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

- Các loại chứng khoán có thời hạn dưới 1 năm được xem là công cụ giao dịch trên thị trường tiền tệ.

- Người phát hành (người bán) các công cụ của thị trường tiền tệ có thể là doanh nghiệp, hoặc Chính phủ nhằm mục tiêu huy động vốn ngắn hạn hay vốn thiếu hụt tạm thời.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

- Lúc mới phát hành, công cụ thị trường tiền tệ được giao dịch trên ***thị trường sơ cấp*** (mua bán giữa nhà phát hành và nhà đầu tư).

- Sau khi được phát hành, nếu nhà đầu tư có nhu cầu mua các công cụ thị trường tiền tệ (đầu tư ngắn hạn) hoặc bán mua các công cụ thị trường tiền tệ (mục tiêu thanh khoản) sẽ giao dịch trên ***thị trường thứ cấp***.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

- Các công cụ thị trường tiền tệ phổ biến:
  - Tín phiếu Kho bạc (Treasury bills – Tbills)
  - Tín phiếu công ty (Commercial paper)
  - Chứng chỉ tiền gửi (Certificates of deposit)
  - Hợp đồng mua lại (Repurchase agreements)
  - Ký quỹ liên bang (Federal funds) (Fed funds)
  - Chấp nhận của ngân hàng (Banker's acceptance)
  - Eurodollar

QUESTION?

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

1. Tín phiếu Kho bạc (Treasury bills – Tbills)

- Do Kho bạc phát hành nhằm huy động vốn ngắn hạn để bù đắp thiếu hụt tạm thời cho ngân sách.
- Các đợt phát hành tín phiếu kho bạc thực hiện qua đấu thầu, với sự tham gia chủ yếu là các NHTM và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng.
- Không có rủi ro trả nợ.
- Có thị trường thứ cấp hoạt động đáp ứng nhu cầu thanh khoản cho nhà đầu tư khi cần thiết.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

1. Tín phiếu Kho bạc (Treasury bills – Tbills)

– Thường có thời hạn 3 tháng (91 ngày); 6 tháng (182 ngày) và 1 năm (365 ngày).

– Không trả lãi mà được bán ở mức giá chiết khấu so với mệnh giá.

– Lợi suất của tín phiếu kho bạc là chênh lệch giữa giá bán và giá mua tín phiếu kho bạc.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

1. Tín phiếu Kho bạc (Treasury bills – Tbills)

– **Lợi suất đầu tư tín phiếu:**

$$i_{investment} = \frac{F - P}{P} \times \frac{365}{n}$$

Trong đó:

– F là mệnh giá tín phiếu

– P là giá mua tín phiếu trên thị trường

– n là số ngày nhà đầu tư nắm giữ tín phiếu

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

1. Tín phiếu Kho bạc (Treasury bills – Tbills)

– Trường hợp mua và *giữ Tbills đến khi đáo hạn*, lợi nhuận là chênh lệch giữa mệnh giá và giá mua tín phiếu.

– Trường hợp Tbills được *bán trước khi đáo hạn*, lợi nhuận là chênh lệch giữa giá bán trên thị trường thứ cấp và giá mua tín phiếu.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

1. Tín phiếu Kho bạc (Treasury bills – Tbills)

– **Lợi suất chiết khấu của tín phiếu:**

$$i_{discount} = \frac{F - P}{F} \times \frac{360}{n}$$

Trong đó:

– F là mệnh giá tín phiếu

– P là giá mua tín phiếu trên thị trường

– n là số ngày nhà đầu tư nắm giữ tín phiếu

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

1. Tín phiếu Kho bạc (Treasury bills – Tbills)

– **Tổ chức Đấu thầu tín phiếu:**

- Các nhà đầu tư đặt lệnh cho tín phiếu theo nhu cầu của mình.
- Lệnh đặt mua có thể là **cạnh tranh** hoặc **không cạnh tranh**.
- Tất cả các lệnh đấu thầu không cạnh tranh đều được chấp nhận.
- Các lệnh đấu thầu cạnh tranh có giá cao hơn giá thắng thầu được chấp nhận.
- Các lệnh đấu thầu có **giá thấp hơn giá thắng thầu** không được chấp nhận.
- Tất cả các nhà đầu tư đều mua tại **cùng một mức giá theo tỷ lệ trung bình của đấu thầu cạnh tranh**.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

2. Tín phiếu công ty (Commercial paper)

- Là công cụ nợ do các công ty nổi tiếng và có uy tín tín dụng phát hành để huy động vốn ngắn hạn đầu tư hàng tồn kho và các khoản phải thu.
- Là phương án thay thế cho kênh tín dụng ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại.
- Là loại công cụ nợ không có đảm bảo.
- Không có thị trường thứ cấp sẵn sàng hoạt động để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

2. Tín phiếu công ty (Commercial paper)

– Thời hạn thông thường từ 20 đến 45 ngày, có khi ngắn đến mức có 1 ngày hoặc dài đến 270 ngày.

– Được bán ở mức giá chiết khấu so với mệnh giá.

– Lợi nhuận khi mua tín phiếu công ty và giữ cho đến đáo hạn là chênh lệch giữa mệnh giá và giá mua tín phiếu công ty.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

2. Tín phiếu công ty (Commercial paper)

– Lợi suất đầu tư tín phiếu công ty được xác định:

$$i_{investment} = \frac{F - P}{P} \times \frac{360}{n}$$

Trong đó:

– F là mệnh giá tín phiếu công ty

– P là giá mua tín phiếu trên thị trường

– n là số ngày nhà đầu tư nắm giữ tín phiếu

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

3. Chứng chỉ tiền gửi (Certificates of deposit)

- Là công cụ nợ do các ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức nhận tiền gửi khác phát hành để huy động vốn ngắn hạn.
- Người mua chứng chỉ tiền gửi thường là các công ty cổ phần (mua mệnh giá CCTG lớn) hoặc các cá nhân mua CCTG trực tiếp.
- Có thời hạn từ 2 tuần đến 1 năm.
- Có thị trường thứ cấp hoạt động.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

4. Hợp đồng mua lại (Repurchase agreements)

- Là một thoả thuận giữa 2 bên, theo đó bên bán chứng khoán đồng ý mua lại chứng khoán đã bán cho người mua ở một mức giá nhất định vào một ngày nhất định.
- Là khoản tín dụng có đảm bảo bằng chứng khoán mua bán.
- Thường có thời hạn không quá 30 ngày.
- Không có thị trường thứ cấp hoạt động.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

5. Ký quỹ liên bang (Federal funds) (Fed funds)

– Là công cụ nợ trên thị trường tiền tệ Mỹ, cho phép các tổ chức nhận tiền gửi có thể vay và cho vay các quỹ ngắn hạn với nhau.

– Lãi suất các khoản Fed funds thấp hơn so với lãi suất Tbills.

– Thời hạn giao dịch rất ngắn, từ 1 ngày cho đến 7 ngày, với doanh số giao dịch lớn.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

5. Ký quỹ liên bang (Federal funds) (Fed funds)

– Giao dịch quỹ liên bang giữa các tổ chức nhận tiền gửi có thể diễn ra trực tiếp hoặc thông qua nhà môi giới.

– Nhà môi giới hoạt động trung gian, giúp các ngân hàng nào có nhu cầu muốn bán quỹ (cho vay) có thể gặp và đáp ứng nhu cầu của ngân hàng nào muốn mua quỹ (đi vay).

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

6. Chấp nhận của NH (Banker's acceptance)

- Là một cam kết, trong đó ngân hàng thương mại chấp nhận thanh toán môt số tiền vào một ngày xác định trong tương lai.
- Được sử dụng trong các giao dịch thương mại quốc tế.
- Thời hạn từ 30 ngày đến 270 ngày

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

6. Chấp nhận của NH (Banker's acceptance)

- Nhà xuất khẩu ưa chuộng các ngân hàng hoạt động như người bảo lãnh trước khi giao hàng cho nhà nhập khẩu có uy tín về tín dụng chưa rõ ràng.
- Nhà xuất khẩu có thể giữ chấp nhận của NH cho đến khi đáo hạn, hoặc bán lại để lấy tiền mặt.
- Lợi nhuận của nhà đầu tư khi mua chấp nhận của NH tương tự khi mua tín phiếu công ty, là chênh lệch giữa số tiền nhận trong tương lai và giá mua.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

7. Eurodollar

- Là một dạng chứng chỉ tiền gửi tiết kiệm bằng đồng đôla Mỹ tại các ngân hàng nước ngoài hoặc các chi nhánh của ngân hàng Mỹ bên ngoài nước Mỹ.
- Nhờ việc tọa lạc ở bên ngoài Hoa Kỳ, các ngân hàng này tránh được các qui định của Cục dự trữ liên bang (Fed).
- Những ngân hàng nhận Eurodollars được gọi là EuroBanks hay Offshore Banks.

2.4. Công cụ của thị trường tiền tệ

7. Eurodollar

- Khoản tiền gửi Eurodollar có kỳ hạn thông thường dưới sáu tháng.
- Eurodollars đã mở rộng mạng lưới toàn cầu trong những năm qua ở Tokyo hay Bắc Kinh ... và cũng được xem như một loại tiền gửi giống như Eurodollars, ví dụ EuroYen (đồng Yen ở châu Âu), EuroEuro (đồng Euro ở châu Âu), đổi lại biên lợi nhuận của EuroBanks luôn thấp hơn so với các ngân hàng tại Mỹ.

THE END.